

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KO
TỈNH KO**

Bản án số: 14 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương;

2. Bà Y Blur.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Y Y, sinh năm 1985; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh A M, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Ia C, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Y Y trình bày:

Tôi và anh A M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Chim, thành phố K, tỉnh K. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2015 cho tới nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A M thường xuyên uống rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần đánh đập tôi. Ban hòa giải ở thôn đã hòa giải cho vợ chồng tôi 03 lần, nhưng anh A M vẫn không thay đổi. Vì gia đình, tôi đã cố gắng chịu đựng để anh A M có thời gian thay đổi nhưng cuộc sống ngày càng trầm trọng hơn và sống ly thân nhau từ năm 2015 cho tới nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mong muốn được toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh A M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung là: Y D, sinh ngày 28/02/2003, Y R, sinh ngày 10/5/2005 và A B, sinh ngày 04/7/2012, các con chung hiện nay đang ở cùng tôi, nguyện vọng của tôi được nuôi 03 con chung nêu trên và không yêu cầu anh A M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn anh A M đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Y Y, nhưng anh A M đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, xác định đúng thẩm quyền; thụ lý vụ án; thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195; 196 BLTTDS năm 2015; xác định tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 BLTTDS 2015.

- Về thời hạn giải quyết đúng theo Điều 203 BLTTDS 2015.

- Về thu thập chứng cứ đúng theo Điều 97 BLTTDS 2015.

- Việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập được thực hiện đúng các quy định của Pháp luật.

- Thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 207 đến Điều 211 BLTTDS 2015.

- Bị đơn anh A M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh A M.

Nhận xét và đề xuất:

1. Nhận xét- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này Tòa án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Y và anh A M đăng ký kết hôn ngày 19/5/2011 tại UBND xã Ia Chim, thành phố K, tỉnh K nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y Y là có căn cứ.

- Về nuôi con chung: Chị Y Y được đề nghị nuôi 03 con chung là: Y D, sinh ngày 28/02/2003, Y R, sinh ngày 10/5/2005 và A B, sinh ngày 04/7/2012 và không yêu cầu anh A M cấp dưỡng nuôi con. Chị Y Y có công việc ổn định và xét đến nguyện vọng của 03 cháu được ở với mẹ, nên giao 03 con chung nêu trên cho chị Y Y nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Y Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Y Y đề ngày 18/02/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Y Y và anh A M đều có nơi cư trú tại thôn Lâm T, xã I, thành phố K, tỉnh K, yêu cầu ly hôn của chị Y Y là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh A M đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt anh A M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Y Y và anh A M đăng ký kết hôn ngày 19/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Chim, thành phố K, tỉnh K. Chị Y Y và anh A M đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Y Y và anh A M là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Y Y và anh A M sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đặc biệt là từ năm 2015 cho tới nay thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh A M thường xuyên uống rượu chè và nhiều lần đánh đập chị Y Y. Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2019 của Chi Hội trưởng phụ nữ thôn Lâm Tùng, xã Ia Chim, thành phố K thì anh A M thường xuyên uống rượu chè và nhiều lần đánh đập chị Y Y làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ năm 2015 cho tới nay. Chi hội trưởng phụ nữ thôn Lâm Tùng đã kết hợp với già làng để hòa giải cho vợ chồng chị

Y Y và anh A M về đoàn tụ 03 lần nhưng sau những lần hòa giải anh A M vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu và đánh đập chị Y Y nên vợ chồng không đoàn tụ được và vẫn sống ly thân từ năm 2015 cho tới nay. Lời khai của chị Y Y phù hợp với biên bản xác minh và có xác nhận của chính quyền địa phương. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh A M đến Tòa để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng anh A M không thể hiện quan điểm, bỏ mặc việc xin ly hôn của chị Y Y. Điều đó thể hiện anh A M không mong muốn níu kéo tình cảm vợ chồng làm cho hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y Y là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 03 con chung là: Y D, sinh ngày 28/02/2003, Y R, sinh ngày 10/5/2005 và A B, sinh ngày 04/7/2012. Hiện tại 03 con chung đang được chị Y Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân 03 cháu sống cùng với chị Y Y, cuộc sống của 03 cháu hiện đang ổn định và xét nguyện vọng của 03 cháu được ở với chị Y Y, vì vậy cần thiết tiếp tục để 03 cháu là: Y Dang, sinh ngày 28/02/2003, Y Rang, sinh ngày 10/5/2005 và A Bình, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Y Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi và trưởng thành. Anh A M không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

[5] Bị đơn anh A M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh A M.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí Sơ thẩm: Chị Y Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Y Y đề ngày 18/02/2019.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y Y được ly hôn với anh A M.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là: Y D, sinh ngày 28/02/2003, Y R, sinh ngày 10/5/2005 và A B, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Y Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi và trưởng thành. Anh A M không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Anh A M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Chị Y Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0001080 ngày 12-3-2019 của Thi hành án dân sự thành phố K. Chị Y Y đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-7-2019) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân (xã) phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- T.H.A dân sự TP K;
- UBND xã Ia Chim, Tp K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**